CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)
ĐL CẦN THƠ : ĐK 390
Địa chỉ *(Add)*: Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Can Tho City)
Điện thoại *(Tel)*: 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com
ISO/IEC 17025

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số *(N°)* : 413.01D/0626

Tên phương tiện đo *(Object)* : **THƯỚC CẶP** *(VERNIER CALIPERS)*

Kiểu *(Type)* : 1114-300A

Số hiệu *(Serial N°)* : 1902255654 — Mã nhận dạng *(ID)* : N/A

Nơi sản xuất *(Manufacturer)* : N/A — Năm sản xuất *(Year)* : N/A

Đặc tính kỹ thuật *(Specifications)* :
- Phạm vi đo *(Measuring range)* : (0 ÷ 300) mm
- Giá trị độ chia *(Division)* : 0,01 mm
- Chỉ thị *(Indicator)* : Hiện số

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP**
(Customer) Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Hưng Hà, T. Hưng Yên

Nơi hiệu chuẩn: **Khu chung cư thương mại và dịch vụ hỗn hợp NewTech**
(Place of calibration) Phường Phú Thuận, thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 119 : 2003 Thước cặp - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng *(Standards used)* :

Mã số *(ID)*	Tên chuẩn *(Description)*	Liên kết chuẩn *(Traceability)*	Hiệu Lực *(Due Date)*
02D/HC	Bộ căn mẫu *(Gage Blocks)*	Trung Tâm Đo Lường	12-2027

Môi trường hiệu chuẩn *(Calibration environment)* : (29,1 ÷ 29,4) °C (57 ÷ 58) %RH

Hiệu chỉnh *(Adjustment)* : ☒ Không *(No)* ☐ Có *(Yes)*

Kết quả *(Results)* : Xem kết quả trang sau *(See the results on the next page)*

Tem hiệu chuẩn *(Calibration label)* : 413.26D/01

Ngày hiệu chuẩn *(Date of calibration)* : 10-6-2026

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo *(Recommended recalibration date)* : 10-6-2027

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 6 năm 2026
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

MRA
BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM
VILAS 1265

Lâm Quốc Dương

KT. GIÁM ĐỐC
(Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1801618578 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
P. AN BÌNH - TP. CẦN THƠ

Nguyễn Hữu Nghị

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số *(No)* : 413.01D/0626

- Kiểm tra thước đo ngoài *(Checking outside measurement scale)* :

Giá trị trung bình đọc trên phương tiện đo *Average reading on tester* mm	Giá trị chuẩn *Reference value* mm	Sai số *Error* mm	Độ không đảm bảo đo *Uncertainty* µm
0,00	0,000	0,00	5,9 + 62,48L [L] : m
10,00	10,000	0,00	
20,00	20,000	0,00	
50,00	50,000	0,00	
80,00	80,000	0,00	
100,00	100,000	0,00	
150,00	150,000	0,00	
200,00	200,000	0,00	
250,00	250,000	0,00	
300,00	300,000	0,00	

Độ song song hai mỏ đo, µm *Reading on tester, µm*	Độ phẳng mỏ đo, µm *Reference value, µm*
1,00	0,00

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)
ĐL CẦN THƠ : ĐK 390
Địa chỉ *(Add)*: Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward,Can Tho City)
Điện thoại *(Tel)*: 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

ISO/IEC 17025

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số *(N°)*: 413.02K/0626

Tên phương tiện đo *(Object)*: **Cân điện tử** *(Electronic scales)*

Kiểu *(Type)*: HC-B50002

Số hiệu *(Serial N°)*: LM2409023 Mã nhận dạng *(ID)*: N/A

Nơi sản xuất *(Manufacturer)*: China Năm sản xuất *(Year)*: N/A

Đặc trưng kỹ thuật *(Specifications)*: - Mức cân lớn nhất *(Max. capacity)*: 5000 g

- Giá trị độ chia *(Division)*: 0,01 g

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP**
(Customer) Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Hưng Hà, T. Hưng Yên

Nơi hiệu chuẩn: **Khu chung cư thương mại và dịch vụ hỗn hợp NewTech**
(Place of calibration) Phường Phú Thuận, thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 01 : 2026 Cân không tự động cấp chính xác I và II - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration) *(Non-automatic scales of class I and II - Calibration procedure)*

Chuẩn được sử dụng *(Standards used)*:

Mã số *(ID)*	Tên chuẩn *(Description)*	Liên kết chuẩn *(Traceability)*	Hiệu Lực *(Due Date)*
02K/HC	Bộ quả cân chuẩn *(Set of weights)* F_1	ĐL Cần Thơ	11-2026

Môi trường hiệu chuẩn *(Calibration environment)*: (28,7 ÷ 28,9) °C (54 ÷ 56) %RH

Hiệu chỉnh *(Adjustment)*: ☒ Không *(No)* ☐ Có *(Yes)*

Kết quả *(Results)*: Xem kết quả trang sau *(See the results on the next page)*

Tem hiệu chuẩn *(Calibration label)*: 413.26K/02

Ngày hiệu chuẩn *(Date of calibration)*: 10-6-2026

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo *(Recommended recalibration date)*: 10-6-2027

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 6 năm 2026
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG	KT. GIÁM ĐỐC
(Head of Metrology)	PHÓ GIÁM ĐỐC
	(Director)
Lâm Quốc Dương	Nguyễn Hữu Nghị

VILAS 1265

Trang: *(No of Paper)* 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số *(No)* : 413.02K/0626

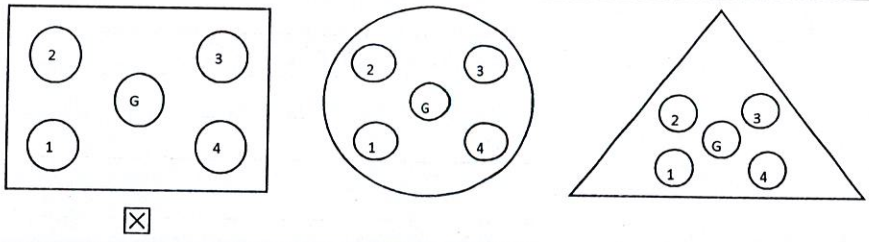
1. Độ lặp lại *(Repeatability)* :

Mức cân *(Load)*, g	Độ lệch chuẩn *(Standard deviation of reading)*, g
2000	0,005
5000	0,005

2. Độ lệch tâm *(Eccentricity)* :

Mức cân *(Load)*, g	2000				
Vị trí đặt tải *(Load position)*	G	1	2	3	4
Sai lệch *(difference)*, g	0,01	0,00	-0,01	0,01	0,02
Lệch tâm lớn nhất, g *(Maximum difference)*	0,02				

Sơ đồ *(Sketch)* :



☒

3. Độ đúng *(Accuracy)* :

Mức cân *(Load)* g	Gía trị đọc mức cân *(Balance Reading)* g	Số hiệu chỉnh *(Correction)* g	Độ không đảm bảo đo *(Uncertainty)* mg
1	0,10	0,90	12
10	10,00	0,00	12
20	20,00	0,00	12
50	50,00	0,00	12
100	100,00	0,00	12
200	200,00	0,00	13
500	500,01	-0,01	14
1000	1000,01	-0,01	17
2000	2000,01	-0,01	27
5000	5000,02	-0,02	60

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:
ĐL CẦN THƠ
Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình,
Tp. Cần Thơ - ĐT : 0909.992665 - 0775.992665
Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số *(N°)*: 1147 /APK/2026

Tên đối tượng; *Object:*	**ÁP KẾ LÒ XO**		
Kiểu: *Type:*	**Lò xo ống**	Số/Mã QL: *Serial No./ Tag No.:*	**18114374**
Nơi sản xuất: *Manufacturer:*	**MC**	Năm: *Year:*	**Không rõ**
Đặc tính kỹ thuật đo lường: *Specifications:*			
- Phạm vi đo: *Range:*	**(0 ÷ 4) MPa**		
- Giá trị độ chia: *Actual scale interval:*	**0,1 MPa**	- Độ chính xác: *Accuracy:*	**2,5 %FS**
Nơi sử dụng: *Place:*	**Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Hưng Hà, T. Hưng Yên**		
Người/Đơn vị sử dụng: *User:*	**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP**		
Phương pháp thực hiện: *Method of verification:*	**ĐLVN 08 : 2011 Áp kế kiểu lò xo - Quy trình kiểm định**		
Chế độ kiểm định: *Type of verification:*	**Định kỳ**		
Kết luận: *Conclusion:*	**Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**		
Số tem kiểm định: *Verification stamp N°:*	**65A 12858**		
Thời hạn đến: (*) *Valid until:*	**10-6-2027**		

Tp.Cần Thơ, ngày 10 tháng 6 năm 2026
Date of issue

Kiểm định viên
Verifier by

Lâm Quốc Dương

KT. GIÁM ĐỐC
Director
PHÓ GIÁM ĐỐC

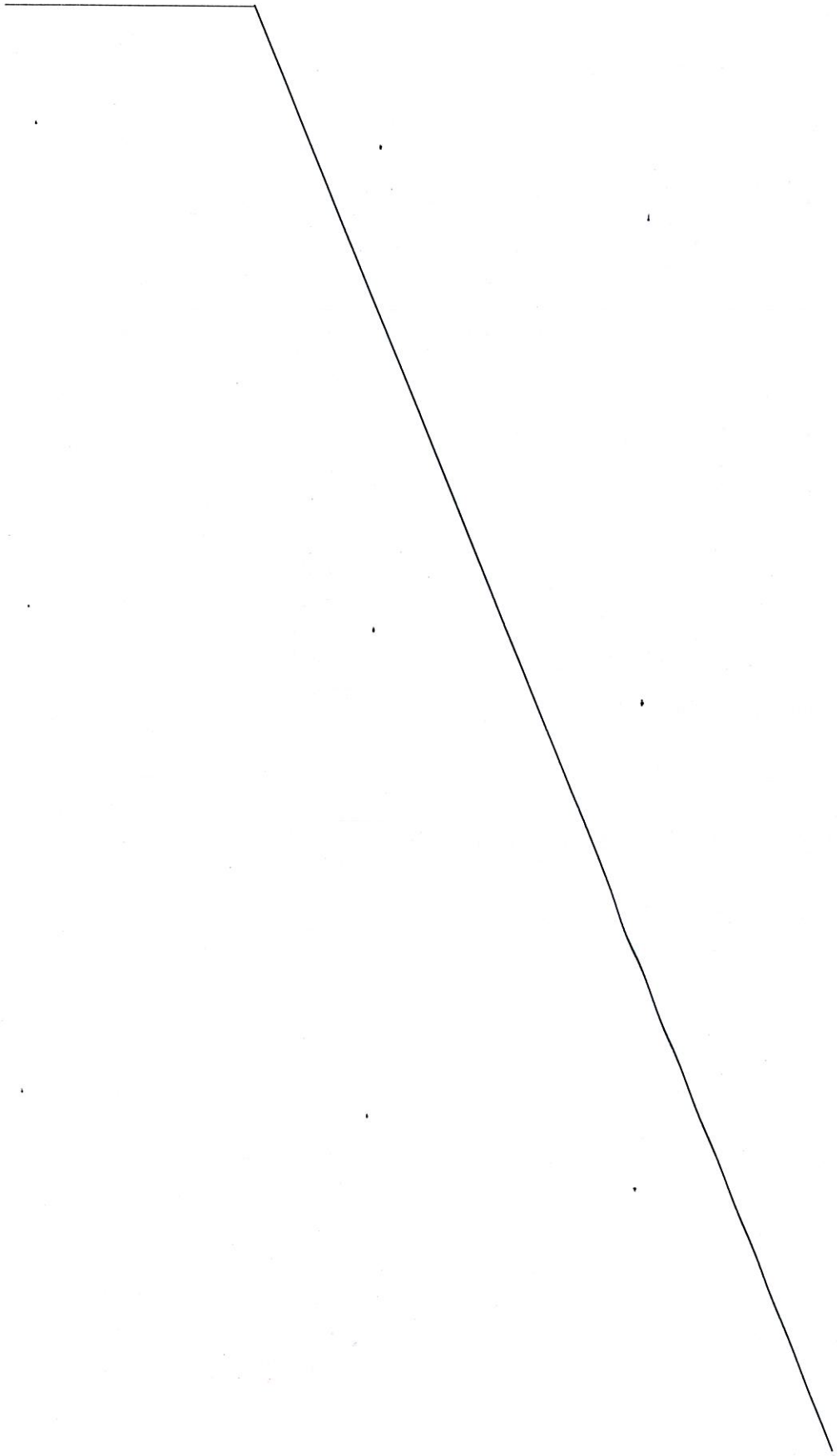
M.S.D.N: 1801618578 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
P.AN BÌNH - TP.CẦN THƠ

Nguyễn Hữu Nghị

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:
ĐL CẦN THƠ
Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình,
Tp. Cần Thơ - ĐT : 0909.992665 - 0775.992665
Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số *(N°)*: 0129 /MKN/2026

Tên đối tượng: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN**
Object:

Kiểu: **WA-1000** Số/Mã QL: **2408497**
Type: *Serial No./ Tag No.:*

Nơi sản xuất: **China** Năm: **2024**
Manufacturer: *Year:*

Đặc tính kỹ thuật đo lường: - Cấp chính xác: **1**
Specifications: *Accuracy class:*

- Phạm vi đo: (0 ÷ 1000) kN - Giá trị độ chia: 0,01 kN
Range: *Actual scale interval:*

Nơi sử dụng: **Khu chung cư thương mại và dịch vụ hỗn hợp NewTech Phường Phú Thuận, thành phố Hồ Chí Minh**
Place:

Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Hưng Hà, T. Hưng Yên**
User:

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén - Quy trình kiểm định**
Method of verification:

Chế độ kiểm định: **Định kỳ**
Type of verification:

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
Conclusion:

Số tem kiểm định: **65A 12856**
Verification stamp N°:

Thời hạn đến: (*) **10-6-2027**
Valid until:

Tp.Cần Thơ, ngày 10 tháng 6 năm 2026
Date of issue

Kiểm định viên
Verifier by

Nguyễn Văn Luân

GIÁM ĐỐC
Director

PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1801618585 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ P.AN BÌNH - TP.CẦN THƠ

Nguyễn Hữu Nghị

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
VERIFICATION RESULTS

Số (*No*): 0129 /MKN/2026

- Phương kiểm định: Nén
  Direction of verification: *Compression*

Phạm vi đo *(Range)*: **(0 ÷ 1000) kN**

Giá trị chỉ thị *Indication value* kN	Giá trị chuẩn *Reference value* kN	Sai số tương đối *Relative Error* %
0,00	0,00	/
200,00	199,92	0,04
400,00	399,90	0,03
600,00	598,50	0,25
800,00	798,00	0,25
1000,00	999,59	0,04

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:
ĐL CẦN THƠ
Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình,
Tp. Cần Thơ - ĐT : 0909.992665 - 0775.992665
Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số *(N°)*: 0130 /MKN/2026

Tên đối tượng: **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN**
Object:

Kiểu: **TYA-2000** Số/Mã QL: **2412435**
Type: *Serial No./ Tag No.:*

Nơi sản xuất: **China** Năm: **2024**
Manufacturer: *Year:*

Đặc tính kỹ thuật đo lường: - Cấp chính xác: **1**
Specifications: *Accuracy class:*

- Phạm vi đo: (0 ÷ 2000) kN - Giá trị độ chia: 0,01 kN (0 ÷ 999,99) kN
Range: *Actual scale interval:* 0,1 kN (1000 ÷ 2000) kN

Nơi sử dụng: **Khu chung cư thương mại và dịch vụ hỗn hợp NewTech Phường Phú Thuận, thành phố Hồ Chí Minh**
Place:

Người/Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Hưng Hà, T. Hưng Yên**
User:

Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 336: 2020 Phương tiện thử độ bền kéo nén - Quy trình kiểm định**
Method of verification:

Chế độ kiểm định: **Định kỳ**
Type of verification:

Kết luận: **Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường**
Conclusion:

Số tem kiểm định: **65A 12857**
Verification stamp N°:

Thời hạn đến: (*) **10-6-2027**
Valid until:

Tp.Cần Thơ, ngày 10 tháng 6 năm 2026
Date of issue

Kiểm định viên
Verifier by

Nguyễn Văn Luân

KT. GIÁM ĐỐC
V. Director
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1801618516 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
P.AN BÌNH - TP. CẦN THƠ

Nguyễn Hữu Nghị

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of rules of use and maintenance)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
VERIFICATION RESULTS

Số *(N°)*: 0130 /MKN/2026

- Phương kiểm định: Nén
  Direction of verification: *Compression*

Phạm vi đo *(Range)*: **(0 ÷ 2000) kN**

Giá trị chỉ thị *Indication value* kN	Giá trị chuẩn *Reference value* kN	Sai số tương đối *Relative Error* %
0,00	0,00	/
400,00	397,80	0,55
800,00	795,35	0,59
1200,0	1194,18	0,49
1600,0	1600,56	-0,04
2000,0	1993,83	0,31